TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2023/HNGĐ- ST
Ngày: 21 tháng 8 năm 2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Văn Tuấn
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Quang Tuấn; bà Quách Thị Tình.
***- Thư ký phiên toà*:** Bà Vũ Thị Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Ông Phạm Minh Nghiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2023/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2023 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 25/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2023/QĐST- HNGĐ ngày 11/8/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Bùi Thị D - Sinh năm: 1995
Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.
- *Bị đơn:* Anh Bùi Văn P - Sinh năm: 1991
Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên toà vắng mặt chị D và anh P (Chị D có đơn xin xét xử vắng mặt, anh P vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03/4/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Bùi Thị D trình bày: Chị Bùi Thị D và anh Bùi Văn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn ngày 20/11/2013 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc, hoà thuận được 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp nên thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng không có tiếng nói chung. Anh Phòng không chịu khó làm ăn, không quan tâm đến vợ con. Đến nay, chị D xác định tình cảm vợ, chồng không còn nên chị D yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh P.

Về con chung: Chị D và anh P có 01 con chung là cháu Bùi Tường V, sinh ngày: 16/10/2013; giới tính: (Nữ). Sau khi ly hôn, chị D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Tường V và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập anh Bùi Văn P để nộp bản tự khai và thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh P đều vắng mặt không có lí do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử cho chị Bùi Thị D được ly hôn anh Bùi Văn P. Giao cháu Bùi Tường V, sinh ngày: 16/10/2013 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh Phòng k phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị D.

- Về án phí: Chị Bùi Thị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Bùi Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn đối với anh Bùi Văn P. Anh P có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Nên xác định đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh P vắng mặt không có lí do, tòa án đã tiến hành mở phiên họp vắng mặt anh P và thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh P theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Anh P đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải nhiều lần nhưng anh P đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Anh P cũng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa chị D vắng mặt, nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tòa án xét xử vắng mặt chị D và anh P.

[2] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị D và anh Bùi Văn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn ngày 20/11/2013 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, anh Phòng k chịu khó làm ăn để cùng chị D nuôi dạy con cái. Trong quá trình giải quyết vụ án tại các buổi hòa giải anh Phòng không đến Tòa án để tham gia hòa giải mà không có lý do. Từ khi chị D có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn đối với anh P, anh P cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều

này chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa chị D và anh Phòng k còn, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị D đối với anh P là có cơ sở, nên yêu cầu của chị D được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Bùi Thị D và anh Bùi Văn P có 01 con chung là cháu Bùi Tường V, sinh ngày: 16/10/2013. Khi ly hôn chị D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tường V và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D. Hội đồng xét xử thấy: Nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của chị D là chính đáng. Theo nguyện vọng của cháu Bùi Tường V, nếu bố mẹ ly hôn cháu V muốn ở với mẹ. Để đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho cháu Bùi Tường V. Cần giao cháu Bùi Tường V cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị D không yêu cầu anh P đóng góp tiền nuôi con chung, đây là sự tự nguyện của chị D, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Bùi Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban T, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị D được ly hôn anh Bùi Văn P.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Tường V; giới tính: Nữ; sinh ngày: 16/10/2013 cho chị Bùi Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh Bùi Văn P không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị D.

Anh P có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số AA/2021/0008044 ngày 08/5/2023. Chị D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Bùi Thị D và anh Bùi Văn P. Chị D, anh P có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã Thạch Bình;
- Chi cục THADS h. Thạch Thành;
- Lưu hồ sơ.

Bùi Văn Tuấn